

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022

Thực hiện Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2022. Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Việc ban hành và thực hiện Kế hoạch CCHC

Sở KH&CN ban hành Kế hoạch số 264/KH-SKHCN ngày 29/12/2021 về công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, xác định đầy đủ nhiệm vụ, bố trí nguồn lực, phân công trách nhiệm thực hiện và triển khai các buổi họp giao ban định kỳ hàng tuần, hội nghị cơ quan; tổ chức tuyên truyền trong toàn thể công chức, viên chức cơ quan để giúp cho công chức, viên chức cơ quan nhận thức đúng và sâu sắc về công tác CCHC.

2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Triển khai đồng bộ các nội dung CCHC, bám sát chủ đề cải CCHC của tỉnh năm 2022 là “*Tăng cường kỷ cương, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số*”; Tiếp tục quán triệt, theo dõi các nội dung CCHC được thực hiện thường xuyên, thông qua các văn bản chỉ đạo điều hành của Sở KH&CN, nhắc nhở công việc qua hệ thống Idesk, điện thoại,... và chỉ đạo của Giám đốc tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Công tác thi đua khen thưởng được gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng cơ quan, đơn vị.

Triển khai Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị Nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Về kiểm tra kết quả thực hiện CCHC

Ban hành Kế hoạch số 249/KH-SKHCN ngày 16/12/2021 về kiểm tra CCHC và phân cấp quản lý, hoạt động của các đơn vị trực thuộc năm 2022.

Ban hành Quyết định số 259/QĐ-SKHCN ngày 12/09/2022 thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính và phân cấp quản lý, hoạt động của các đơn vị trực thuộc năm 2022; Thông báo số 765/SKHCN-VP ngày 12/09/2022 kiểm tra

công tác CCHC và phân cấp quản lý, hoạt động của các đơn vị trực thuộc năm 2022.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Lồng ghép công tác tuyên truyền CCHC và ban hành Kế hoạch số 266/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022, các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú; đồng thời ban hành Kế hoạch số 185/KH-SKHCN ngày 12/09/2022 về việc tuyên truyền Cải cách hành chính năm 2022.

- Thông tin, tuyên truyền về hoạt động CCHC thông qua Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN, Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN và các đơn vị trực thuộc.
- Tuyên truyền thông qua việc phát hành tờ gấp, pa nô, áp phích liên quan đến CCHC, phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng nhóm đối tượng.
- Tuyên truyền thông qua hình thức tổ chức lớp tập huấn, lồng ghép nội dung CCHC trong các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội nghị CCVCNLD hàng năm.
- Tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị, các phường, xã, nhất là cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giải quyết TTHC, kiểm soát TTHC và đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở.

II. Kết quả thực hiện công tác CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 14/3/2017 ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh; công tác xây dựng văn bản QPPL của ngành được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định. Văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý; đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Kết quả trong năm 2022, Sở KH&CN triển khai kế hoạch số 265/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 về xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. Tham mưu UBND tỉnh ban hành:

- Chương trình số 147/CTr-UBND ngày 07/01/2022 thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 13/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển KH&CN tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến

năm 2030.

- Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh phân cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở.

Trình UBND tỉnh cho chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định mức hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” và “Quy định mức hỗ trợ kinh phí hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025”.

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/5/2012 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển sản xuất và đời sống đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH TW khóa VII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; tổng kết thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tổng kết thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về phát triển KTXH, đảm bảo QPAN vùng Tây Nguyên giai đoạn 2001-2022; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 11/3/2022 của Chính phủ và Kế hoạch số 72-KH/TU, ngày 25/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; Kế hoạch phối thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm năm 2022; Kế hoạch chương trình "Dân hỏi- Thủ trưởng Cơ quan hành chính trả lời" trên sóng Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

Phối hợp rà soát thông tin phục vụ quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch triển khai Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh về triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025.

b) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Sở KH&CN đã ban hành Kế hoạch số 269/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 triển khai công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật năm 2022. Các văn bản

quy phạm pháp luật do Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh ban hành đều được dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Kịp thời ban hành văn bản:

- Quyết định số 01/QĐ-SKHCHN ngày 04/01/2022 thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn ĐLCL xăng, dầu dịp Tết Nguyên đán Nhâm dần năm 2022.

- Quyết định số 258/QĐ-SKHCHN ngày 22/12/2021 thanh tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu 27 công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 257/QĐ-SKHCHN ngày 21/12/2021 phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN năm 2022.

- Kế hoạch số 270/KH-SKHCHN ngày 31/12/2021 thực hiện duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 901:2015 khối Văn phòng Sở năm 2022.

- Kế hoạch số 03/KH-SKHCHN ngày 05/01/2022 kiểm tra công tác Văn thư, lưu trữ năm 2022.

- Kế hoạch số 14/KH-SKHCHN ngày 24/01/2022 công tác bảo Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2022.

- Kế hoạch số 16/KH-SKHCHN ngày 25/01/2022 công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022.

- Quyết định số 15/QĐ-SKHCHN ngày 11/02/2022 quy định nội quy tiếp công dân của Sở KH&CN.

- Quyết định số 14/QĐ-SKHCHN ngày 09/02/2022 ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống ,lãng phí năm 2022 của Sở KH&CN.

- Quyết định số 63/QĐ-SKHCHN ngày 30/03/2022 kiểm tra Nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Ea Kar năm 2022.

- Quyết định số 92/QĐ-SKHCHN ngày 18/04/2022 thanh tra lĩnh vực vàng trang sức mỹ nghệ năm 2022 .

- Quyết định số 72/QĐ-SKHCHN ngày 07/04/2022 ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 122/QĐ-SKHCHN ngày 18/05/2022 kiểm tra Nhà nước đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn; sản xuất, kinh doanh phương tiện đo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 135/QĐ-SKHCHN ngày 25/05/2022 thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân, về phương tiện đo trong y tế

đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị X - quang và thiết bị đo dùng trong y tế để khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 172/QĐ-SKHCN ngày 20/06/2022 thanh tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu tại Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thuận Thanh.

- Quyết định số 190/QĐ-SKHCN ngày 21/06/2022 kiểm tra Nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất.

- Quyết định số 200/QĐ-SKHCN ngày 08/07/2022 thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 215/QĐ-SKHCN ngày 04/08/2022 kiểm tra Nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn huyện Krông Búk, Krông Bông và huyện M'Đrăk năm 2022.

- Quyết định số 244/QĐ-SKHCN ngày 29/08/2022 kiểm tra chất lượng và ghi nhãn đồ chơi trẻ em Tết Trung thu trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Quyết định số 261/QĐ-SKHCN ngày 13/09/2022 kiểm tra Nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng xăng dầu lưu thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Ea Kar năm 2022.

- Quyết định số 313/QĐ-SKHCN ngày 25/10/2022 Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thiết bị điện, điện tử trên địa bàn tỉnh.

Kết quả năm 2022:

+ 06 cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ, an toàn bức xạ, gas, thiết bị điện, điện tử trên địa bàn tỉnh. Kết quả thanh tra tại 207 cơ sở, phát hiện và xử lý 11 cơ sở vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 68.121.381 đồng.

+ 06 cuộc kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, qua kiểm tra tại 129 cơ sở phát hiện 07 cơ sở vi phạm ghi nhãn hàng hoá, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền vi phạm 32.000.000 đồng.

Sở KH&CN đã có báo cáo số 231/BC-SKHCN ngày 31/10/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022.

c) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Kịp thời ban hành Kế hoạch số 265/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 về xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; đồng thời triển khai rà soát, xử lý các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ do HĐND, UBND tỉnh ban hành không còn phù hợp với các quy định của Trung ương. Đến thời điểm báo cáo các văn bản tham mưu ban hành còn phù hợp quy định.

Triển khai Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh triển khai công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. Thực hiện rà soát các nội dung phân cấp, phân quyền trong các ngành, lĩnh vực nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/NQ-CP và các ngành, lĩnh vực liên quan (Công văn 152/SKHCN-VP ngày 01/3/2022); Rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh có liên quan đến phân cấp (Công văn 149/SKHCN-VP ngày 01/3/2022); tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Luật KH&CN và Luật Năng lượng nguyên tử (Công văn 163/SKHCN-VP ngày 04/3/2022).

- Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND ban hành (Công văn số 571/SKHCN-TTra ngày 08/07/2022); triển khai thực hiện Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ KH&CB hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất (Kế hoạch số 159/KH-SKHCN ngày 28/07/2022); đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Tham mưu các văn bản:

- Báo cáo số 251/BC-SKHCN ngày 11/11/2022 tự kiểm tra và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Báo cáo số 253/BC-SKHCN ngày 14/11/2022 thực hiện tự kiểm tra, xử lý các văn bản QPPL lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo số 254/BC-SKHCN ngày 14/11/2022 thực hiện công văn 11260/BGTVT-PC ngày 28/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Báo cáo số 41/BC-SKHCN ngày 16/3/2022 về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh có liên quan đến phân cấp.

- Báo cáo số 271/BC-SKHCN ngày 28/11/2022 về rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh năm 2022.

d) Công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL

Trong kỳ, Sở KH&CN tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực ngành quản lý theo đúng quy trình và quy định của các cấp. Trong năm 2022 các văn bản QPPL lĩnh vực khoa học và công nghệ không phát hiện có văn bản nào cần phải xử lý.

e) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Từ đầu năm 2022, Sở triển khai công tác tuyên truyền CCHC lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 266/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 của Sở KH&CN về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022. Đồng thời tổ chức tuyên truyền cho 75 lượt công chức, viên chức, nhân viên về các Kế hoạch liên quan tại Hội nghị CBCCVC ngày 21/01. Ban hành các kế hoạch triển khai sau:

- Kế hoạch số 09/KH-SKHCN ngày 14/01/2022 về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh tỉnh năm 2022.

- Kế hoạch số 01/KH-SKHCN ngày 04/01/2022 hướng dẫn tuyên truyền Công tác văn thư, lưu trữ và lập hồ sơ công việc.

- Kế hoạch số 266/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022.

- Công văn số 141/SKHCN-CN ngày 24/02/2022 về việc đăng ký nhu cầu tổ chức/tham gia tập huấn về sở hữu trí tuệ năm 2022.

- Kế hoạch số 82/KH-SKHCN ngày 10/05/2022 tình hình chương trình "Dân hỏi- Thủ trưởng Cơ quan hành chính trả lời" trên sóng Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

- Kế hoạch số 83/KH-SKHCN ngày 10/05/2022 tuyên truyền ngày KH&CN Việt Nam 18/5.

- Kế hoạch số 103/KH-SKHCN ngày 30/05/2022 tham gia hoạt động trưng bày, giới thiệu ý tưởng, sản phẩm, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Techfest Quảng Nam 2022.

- Kế hoạch số 142/KH-SKHCN ngày 23/06/2022 tổ chức Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh vàng, vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Kế hoạch số 161/KH-SKHCN ngày 29/07/2022 tuyên truyền, phổ biến các văn bản của NN, và của Đảng.

- Giấy mời số 64/GM-SKHCN ngày 05/09/2022 dự Hội nghị tập huấn “Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất”.

- Kế hoạch số 185/KH-SKHCN ngày 12/09/2022 tuyên truyền Cải cách hành chính năm 2022.

- Xây dựng Kế hoạch năm 2022 thực hiện “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030”; xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Đắk Lắk; tổ chức khóa đào tạo, tập huấn nhận thức chung về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2022.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Triển khai thực hiện công tác Cải cách TTHC, chỉ đạo các phòng chuyên môn thường xuyên chủ động triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo Kế hoạch số 267/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 và Kế hoạch số 268/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 rà soát, đánh giá TTHC thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Thực hiện Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2022. Sở KH&CN ban hành văn bản số 95/SKHCN-VP ngày 08/2/2022 triển khai công tác rà soát TTHC theo nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, đang nay đang tổng hợp kết quả rà soát.

- Thực hiện rà soát 50 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN (Công bố tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/3/2018, Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN, Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN). Tham mưu UBND tỉnh ban hành:

+ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.

+ Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 14/07/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC mới ban hành, Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Danh mục TTHC được thay thế trong lĩnh vực hoạt động KH&CN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.

+ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 25/08/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.

+ Rà soát, xây dựng quy trình nội bộ đối với TTHC, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 ban hành quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thay thế Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC lĩnh vực KH&CN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.

- Tiếp tục duy trì việc công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử của Sở, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC

Rà soát Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên hệ thống Cổng Dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, sau rà soát 21 TTHC cấp độ 2, 3 TTHC cấp độ 3, 20 TTHC cấp độ 4; 15 TTHC thanh toán phí trực tuyến (03 TTHC cấp độ 2, 1 TTHC cấp độ 3, 11 TTHC cấp độ 4). Kết quả từ 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022, Sở KH&CN đã tiếp nhận 154 hồ sơ thủ tục hành chính,

trong đó 142 hồ sơ TTHC được giải quyết trước hạn, 06 hồ sơ TTHC đúng hạn, đang trong thời hạn giải quyết 06 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về phân cấp như: Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở KH&CN; Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk.

- Cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN hiện nay gồm 05 phòng chức năng và 02 đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng biên chế được giao là 57 chỉ tiêu, trong đó công chức là 35 người, viên chức là 22 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là 10 người, việc sử dụng biên chế tại Sở và các đơn vị hợp lý, đúng quy định.

- Kiện toàn lại đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp phòng của Sở theo Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk; đề nghị nâng mức phụ cấp thâm niên nghề đối với thanh tra viên chính; Xét nâng bậc lương thường xuyên đợt 1 năm 2022. Ban hành văn bản điều động và bổ nhiệm sau:

+ Quyết định số 47/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó trưởng phòng, phòng Quản lý Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Sở KH&CN.

+ Quyết định số 46/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó trưởng phòng Quản lý công nghệ Sở KH&CN.

+ Quyết định số 45/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó chánh Văn phòng Sở KH&CN.

+ Quyết định số 44/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó chánh Thanh tra Sở KH&CN.

+ Công văn số 754/SKHCN-VP ngày 08/09/2022 đồng ý cho Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN thực hiện bổ nhiệm Trưởng phòng Nghiên cứu - Ứng dụng.

- Sở KH&CN triển khai thực hiện tốt công tác phân cấp về đầu tư, ngân sách; quản lý công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm thuộc Sở KH&CN, đảm bảo đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ công tác. Ban hành các văn bản:

+ Quyết định số 08/QĐ-SKHCN ngày 12/01/2022 thành lập Hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ nộp tài liệu vào Lưu trữ Lịch sử tỉnh.

+ Quyết định số 18/QĐ-SKHCN ngày 21/02/2022 thành lập Ban biên tập Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyết định số 12/QĐ-SKHCN ngày 20/01/2022 giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, Nghị định 161/2018/NĐ-CP năm 2022.

+ Quyết định số 23/QĐ-SKHCN ngày 28/02/2022 thành lập Tổ chuyên trách An toàn thông tin Sở KH&CN.

+ Quyết định số 78/QĐ-SKHCN ngày 08/04/2022 ban hành Quy chế quản lý, cung ứng, sử dụng thông tin trên cổng thông tin điện tử (Website) Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk.

- Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, Nghị định 161/2018/NĐ-CP năm 2022.

- Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở KH&CN; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Quy chế làm việc; nội quy tiếp công dân của Sở KH&CN.

- Ban hành Chương trình công tác của Sở KH&CN; Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Kế hoạch số 225/KH-SKHCN ngày 27/10/2022 bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025.

- Kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử (Website) Sở KH&CN; thành lập Tổ chuyên trách An toàn thông tin Sở KH&CN; Ban biên tập Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Đắk Lắk.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, kỹ năng công tác; kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng với việc thực hiện luân chuyển để rèn luyện trong thực tiễn. 6 tháng đầu năm Sở KH&CN tham mưu xây dựng quy trình chuyển đổi cấp phó phòng thuộc Sở, chương trình, nội quy nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, ban hành văn bản:

+ Văn bản số 1032/SKHCN-VP ngày 15/12/2021 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm CBCC, viên chức 2021 và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

+ Văn bản số 823/SKHCN-VP ngày 09/12/2020 cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Đề án Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Văn bản số 159/SKHCN-VP ngày 03/03/2022 về việc xin bổ nhiệm cấp phó phòng thuộc Sở KH&CN.

+ Quyết định số 15/QĐ-SKHCN ngày 11/02/2022 ban hành nội quy tiếp công dân của Sở KH&CN.

+ Quyết định số 14/QĐ-SKHCN ngày 09/02/2022 ban hành chương trình

thực hành tiết kiệm, chống, lãng phí năm 2022 của Sở KH&CN.

+ Quyết định số 248/QĐ-SKHCN ngày 20/12/2021 xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở KH&CN năm 2021.

+ Quyết định số 10/QĐ-SKHCN ngày 18/01/2022 công nhận sáng kiến, hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phục vụ công tác thi đua, khen thưởng Sở KH&CN năm 2021.

+ Quyết định số 371/QĐ-SKHCN ngày 09/12/2022 xếp loại Công chức, viên chức, người lao động và tập thể 2022.

+ Văn bản số 1115/SKHCN-VP ngày 12/12/2022 đánh giá cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

+ Văn bản số 1093/SKHCN-VP ngày 06/12/2022 đánh giá, xếp loại chất lượng công chức là người đứng đầu cơ quan, đơn vị năm 2022.

Thực hiện nghiêm túc các quy định số 61-QĐ/ĐU ngày 24/10/2018 của Đảng ủy Sở KH&CN về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Đảng ủy Sở KH&CN quản lý; tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc.

Việc bố trí, sử dụng công chức được thực hiện đúng theo quy định, đúng người, đúng việc. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định hiện hành. Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức được Sở thực hiện đúng quy trình, kịp thời, đầy đủ.

Triển khai rà soát đối chiếu và chuẩn hóa hồ sơ cán bộ công chức, cập nhật phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh. Rà soát xem xét ban hành 02 Quyết định bổ nhiệm giám đốc đơn vị trực thuộc, 05 Quyết định điều động bổ nhiệm trưởng các phòng thuộc Sở, 04 Quyết định nâng lương trước thời hạn và 02 quyết định nâng lương thường xuyên.

Tham gia khóa đào tạo về chuyển đổi số; chuyên gia đánh giá Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022; kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối; bồi dưỡng CCHC; nhận thức chung về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh năm 2022...

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước. Ngay từ đầu năm, Sở đã triển khai Quy chế Chi tiêu nội và quản lý, sử dụng tài sản công của Sở; việc quản lý, thu, chi tài chính được thực hiện nghiêm túc đúng chế độ, chính sách và được công khai theo quy định.

Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo dự toán giao và các văn bản quy định về chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Trung ương hoặc địa

phương quy định để xây dựng các khoản thu, chi phù hợp với đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị. Tổ chức thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công; các quy định về phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Hiện nay trên cơ sở chỉ tiêu số lượng biên chế và nguồn kinh phí được giao, Sở thực hiện nghiêm túc theo các nội dung quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Các nội dung chi của Sở đều tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Sở bảo đảm các quyền lợi hợp pháp của người lao động và công khai, dân chủ, minh bạch; phân khai kinh phí năm 2022 theo quy định.

+ Quyết định số 267/QĐ-SKHCHN ngày 22/09/2022 ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan và đơn vị dự toán trực thuộc.

+ Quyết định số 289/QĐ-SKHCHN ngày 13/10/2022 thành lập đoàn kiểm tra việc sử dụng trang thiết bị từ các đề tài, dự án của Trung tâm thông tin UD KH&CN từ năm 2016-2022.

+ Quyết định số 321/QĐ-SKHCHN ngày 31/10/2022 ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trang bị phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan và đơn vị.

- Kế hoạch số 277/KH-SKHCHN ngày 02/12/2022 kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2022.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước: Sở tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực điều hành và đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC. Luôn duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông (iGate), sử dụng việc gửi, nhận văn bản giữa các cơ quan bằng hộp thư công vụ của đơn vị.

Tính đến nay sưu tầm, đăng tải trên 730 tin: 292 tin địa phương (62 tin viết), 221 tin trong nước (10 tin viết), 196 tin quốc tế, 9 sự kiện, 12 thông báo. Cập nhật 07 đề tài/dự án KH&CN đang thực hiện, 19 kết quả thực hiện đề tài/dự án và các thông tin thay đổi phòng ban, đơn vị, khác; Phát hành 05 số Bản tin Thông tin KH&CN, 04 số Bản tin KH&CN phục vụ nông thôn; quay phát sóng 12 chuyên mục truyền hình KH&CN; cấp 24 Giấy chứng nhận đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (gồm 16 đề tài cấp tỉnh, 08 đề tài cấp cơ sở) và thực hiện công bố thông tin 07 nhiệm vụ KH&CN. Duy trì trang thông tin điện tử: <http://www.skhcn.daklak.gov.vn/> và <http://thongtinkhcn.daklak.vn>, đăng tải toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy có liên quan về khoa học và công nghệ.

Tất cả các đơn vị đã trang bị hệ thống máy tính có nối mạng Internet và mạng Lan đầy đủ. Hầu hết các cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị được

cấp tài khoản trên hệ thống thư điện tử công vụ. Sử dụng hệ thống điều hành trực tuyến (I Desk) vào trong quản lý văn bản và xử lý, điều hành công việc của Sở. 100% các phòng, đơn vị, cá nhân trong Sở có sử dụng Hệ thống thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc. Gần 100% các văn bản nội bộ của Sở được thực hiện qua phần mềm I Desk và thư điện tử; khoảng 100% văn bản đi với các cơ quan bên ngoài được thực hiện bằng văn bản điện tử.

+ Văn bản số 1021/SKHCN-TTUD ngày 18/11/2022 đơn đốc việc tham mưu thực hiện Công văn số 1836/STTTT-CNTT ngày 24/10/2022, rà soát trang thông tin và dịch vụ công trên môi trường mạng.

- Kế hoạch số 221/KH-SKHCN ngày 20/10/2022 Chuyển đổi số năm 2023.

Sở KH&CN ban hành Kế hoạch duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 năm 2022. Đối với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN Sở thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống nhằm đáp ứng mục tiêu chính sách đề ra, bảo đảm nguyên tắc “nhanh, chính xác, đúng pháp luật”; việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng vào một số lĩnh vực công tác tự công bố, chất lượng phù hợp, vận hành, duy trì thường xuyên mang lại hiệu quả cao trong hoạt động hành chính.

III. Đánh giá chung kết quả đạt được

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở địa phương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã quan tâm ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác CCHC, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ CCHC, từng bước đổi mới tổ chức phương thức hoạt động của bộ máy hành chính, tạo ra sự đồng thuận và hưởng ứng mạnh mẽ của đông đảo tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Việc ứng dụng CNTT vào CCHC qua các phần mềm quản lý văn bản, tiếp nhận và trả kết quả, email công vụ, dịch vụ công trực tuyến đã mang lại hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa cơ quan hành chính với công dân và tổ chức đến giao dịch. Cơ chế một cửa, “một cửa liên thông” tiếp tục triển khai có hiệu quả, tạo sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, phường, xã trong giải quyết thủ tục hành chính giải quyết công việc cho người dân nhanh chóng, thuận tiện, nâng cao kỹ năng hành chính, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ công chức hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm tiếp nhận và trả kết quả cá biệt ở một số phòng đơn vị còn chưa thường xuyên. Việc sử dụng Email công vụ chưa đạt được hiệu quả cao trong giải quyết công việc.

IV. Phương hướng nhiệm vụ công tác CCHC năm 2023

Tăng cường chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chương trình CCHC của Sở năm 2023; Tuyên truyền CCHC năm 2023; rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 và rà soát văn bản QPPL năm 2023 .

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ: Cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách

tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách tài chính công, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hiện đại hóa hành chính của Sở.

Theo dõi UBND tỉnh cho chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định mức hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” và “Quy định mức hỗ trợ kinh phí hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025”.

Niêm yết công khai, minh bạch tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử các chủ trương, chính sách mới ban hành của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là chính sách thu hút đầu tư, thông tin quy hoạch, kế hoạch, dự án, thủ tục hành chính.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả hệ thống iGate, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị tiếp tục nâng cấp hệ thống Email công vụ để đảm bảo trong trao đổi công việc, khi thực hiện gửi, nhận văn bản có dung lượng lớn.

2. Lựa chọn, giới thiệu các mô hình về cải cách hành chính ở những đơn vị thực hiện tốt về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để học tập kinh nghiệm.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Sở KH&CN gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP (Ha -12b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Gia Việt

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	09	Các KH triển khai CCHC
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	7 mục tại KH
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	32	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	03	KH 249
3.2.	Số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	03	11/2022
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>	03	
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>	03	
4.	Sáng kiến trong công tác CCHC			
4.1	Có sáng kiến cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc có giải pháp trong thực hiện công tác cải cách hành chính nhằm giảm thiểu phiền hà, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan, đơn	Có = 1; Không = 0	1	Nội dung sáng kiến/ giải pháp

5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	56	BC T1-11/2022
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	56	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	70	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

17
Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ đã tham mưu ban hành	Văn bản		
1.1.	Số Nghị quyết được ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số Quyết định được ban hành	Văn bản	01	QĐ số 33/2022/QĐ-UBND
2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹Văn bản quy phạm pháp luật.

18
Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý	Thủ tục	44	1899/QĐ-UBND ngày 25/08/2022
1.4.2.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	44	
1.4.3.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	0	
1.4.4.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	0	
2.	Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh			
2.1.	Tổng số quy định đã được thống kê	Quy định	0	
2.2.	Số quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	0	
2.3.	Số quy định đã chính thức được cắt giảm, đơn giản hóa	Quy định	0	
2.4.	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa	Triệu đồng	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	13	QĐ 2692 02/12/2022
3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.3.	Số TTHC thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.4	100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được công khai, minh bạch theo quy định.	%	44	
4.	Kết quả giải quyết TTHC			
4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100	
4.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	148	
4.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	148	
4.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
4.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
4.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

20

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	35	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	32	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	10	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	22	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	

21
Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Cơ quan, tổ chức đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Có = 1 Không = 0	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	02	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo sở, ban, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người	0	

5.	100% cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, ban, ngành có số lượng người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ít hơn số lượng người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Đạt = 1 Không đạt = 0	1	
----	--	--------------------------	---	--

23
Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	100	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc sở, ban, ngành <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN thuộc sở, ban, ngành	Đơn vị	2	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa thực hiện= 0 Đang thực hiện = 1	1	
2	Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo			
2.1.	Thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo	Chưa thực hiện = 0 Đang thực hiện = 1	1	
2.2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	BC Chính phủ
3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của sở, ban, ngành được lập trên IDesk	%	100	
3.1	Tổng số hồ sơ công việc	Hồ sơ		Toàn bộ hồ sơ
3.2	Số hồ sơ công việc được lập trên IDesk	Hồ sơ		Toàn bộ hồ sơ
4.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của sở, ban, ngành (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử).	%	98	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện Kết nối liên thông với hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị	%	100	
5.3	Thực hiện Kết nối liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử của tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	3	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	20	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	20	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	20	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan</i>	<i>Thủ tục</i>	23	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	23	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%		
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	44	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	44	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	15	Thay thế 629/QĐ-UBND - 15/03/2022
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của, cơ quan.</i>	<i>Thủ tục</i>	15	
6.6	100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị được cập nhật trên Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông (hệ thống iGate).	%	100	
7.	Dịch vụ Bưu chính công ích			

7.1	60% thủ tục hành chính trở lên được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	Đạt = 1 Không đạt = 0	0	42 hồ sơ TTHC
7.2	50% TTHC đã triển khai dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Đạt = 1 Không đạt = 0	0	

BÁO CÁO THỰC HIỆN CAM KẾT CÔNG TÁC CCHC NĂM 2022

STT	Nội dung cam kết	Nội dung, kết quả thực hiện (Tính đến tháng 12/2022) (Nêu rõ kết quả triển khai đến thời điểm báo cáo)	Tiến độ hoàn thành (Thời gian cụ thể hoàn thành)
1	Triển khai thực hiện đúng tiến độ, đạt chất lượng các nhiệm vụ, mục tiêu, đề án được giao trong Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, Kế hoạch cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh	- Hoàn thành 01/01 hoạt động được giao tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; - Hoàn thành 03/03 hoạt động được giao tại Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2022; - Hoàn thành 01/01 hoạt động được giao tại Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về việc nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.	9/2022 12/2022 9/2022
2	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 đúng quy định. Báo cáo công tác cải cách hành chính theo định kỳ	1. Kế hoạch số 264/KH-SKHCN ngày 29/12/2021; số 266/KH-SKHCN ngày 31/12/2021; ; số 185/KH-SKHCN ngày 22/9/2022; số 249/KH-SKHCN ngày 16/12/2021. 2. Báo cáo số 39/BC-SKHCN ngày 15/3/2022; số	9/2022

	đầy đủ, gửi Sở Nội vụ theo đúng thời gian quy định.	126/BC-SKHCN ngày 13/6/2022; số 187/BC-SKHCN ngày 14/9/2022.	
3	Có sáng kiến cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc có giải pháp trong thực hiện công tác cải cách hành chính nhằm giảm thiểu phiền hà, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị.	Tên sáng kiến 1: Tuyên truyền công tác quản lý an toàn bức xạ tại các cơ sở bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế bằng tài liệu được biên soạn tóm tắt lại từ các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn bức xạ. Tên sáng kiến 2: Một số giải pháp kinh nghiệm về công tác “<i>Nâng cao hiệu quả giao dịch trực tuyến thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4</i>” trong hoạt động Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng. Tên sáng kiến 3: Tuyên truyền công tác chuyển giao công nghệ các kết quả đề tài dự án nhằm nâng cao tính ứng dụng các kết quả khoa học có tính hiệu quả cao sau nghiệm thu.	12/2022
4	Tham mưu ban hành 100% văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất theo các văn bản của Trung ương, có tính khả thi cao, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận.	Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh phân cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán y tế trên địa bàn tỉnh.	8/2022
5	Bố trí 100% công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	- Tỷ lệ công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt : 100% - Báo cáo số 187 /BC-SKHCN ngày 14/9/2022 kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III năm 2022.	9/2022

6	60% thủ tục hành chính trở lên được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Có 42/148 hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Thống kê trực tiếp từ phần mềm một cửa điện tử liên thông (Igate).	12/2022
7	100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được công khai, minh bạch theo quy định.	- Có 44/44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được công khai, minh bạch theo quy định. - Thông báo số 111/TB-SKHCHN ngày 13/09/2022 thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trên hệ thống Cổng Dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk. - Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 ban hành quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. - Thống kê trực tiếp từ phần mềm một cửa điện tử liên thông (Igate).	12/2022
8	Tăng tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị đúng hạn và trước hạn so với năm 2021.	- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị đúng hạn và trước hạn năm 2021: 100 % - Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị đúng hạn và trước hạn (đến tháng 12/2022): 100 % - Thống kê trực tiếp từ phần mềm một cửa điện tử liên thông (Igate).	9/2022
9	100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị được cập nhật trên Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông (hệ	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị được cập nhật trên Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông (hệ	12/2022

	thống iGate).	thống iGate): 100 % - Báo cáo số 199/BC-SKHCN ngày 22/09/2022 kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 9 tháng đầu năm và phương hướng, kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2022. - Báo cáo số 290/BC-SKHCN ngày 12/12/2022 kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số năm 2022.	
10	Xây dựng, áp dụng, duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 có hiệu lực và hiệu quả.	Kế hoạch số 270/KH-SKHCN ngày 31/12/2021 thực hiện duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 901:2015 khối Văn phòng Sở năm 2022	9/2022
11	Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở/Ban/ngành có số lượng người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ít hơn số lượng người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.	- Số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc của Sở/Ban/ngành: 02 - Số cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc của Sở/Ban/ngành có số lượng người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ít hơn số lượng người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 02.	9/2022
12	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan hành chính đúng quy định.	Quyết định số 44/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó chánh Thanh tra Sở KH&CN đ/c Phan Thanh Bình Quyết định số 46/QĐ-SKHCN ngày 23/03/2022 điều động và bổ nhiệm Phó trưởng phòng Quản lý công nghệ Sở KH&CN đ/c Bùi Chí Trung	9/2022
13	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg	Quyết định số 208/QĐ-SKHCN ngày 21/08/2019 ban hành Quy chế văn hóa công sở các quy tắc ứng xử của công chức, viên chức và người lao động của Sở KH&CN	9/2022

	ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.	tỉnh Đắk Lắk	
14	Có Chỉ số cải cách hành chính trong nhóm điều hành xuất sắc và tốt.		
15	Tham mưu đảm bảo đạt tỷ lệ 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công bố, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 đúng quy định và chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.	- Nội dung cải cách hành chính đã tuyên truyền theo Kế hoạch số 185/KH-SKHCN của Sở KH&CN ngày 12/9/2022. - Báo cáo số 174/BC-SKHCN của Sở KH&CN ngày 24/8/2022.	9/2022
16	Tham mưu đẩy mạnh tuyên truyền về cải tiến ISO 9001 đến đại biểu HĐND cấp tỉnh; lãnh đạo cấp sở; lãnh đạo cấp phòng; lãnh đạo UBND cấp huyện và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Công văn số 798/SKHCN-TĐC của Sở KH&CN ngày 22/9/2022	9/2022